TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 17 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, T1 PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Nguyên đơn**: Bà **Trương Thị B** - sinh năm 1989.
- **Bị đơn**: Ông **Trần Hữu T** - sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 116, phường H, quận Liên Chiểu, T1 phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, T1 phố Đà Nẵng (Số đăng ký kết hôn 62/2013, quyển số 01/2013), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Nay bà Trương Thị B khởi kiện xin ly hôn thì ông Trần Hữu T đồng ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Giao ông Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu T1 - sinh ngày 19/6/2013 đến khi đủ 18 tuổi, bà Trương Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T.

[5] Về án phí HNGĐ-ST: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trương Thị B tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trương Thị B đã nộp theo Biên lai thu số 0004376 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, T1 phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị B đã nộp đủ án hôn nhân gia đình phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trương Thị B số tiền tạm ứng án phí còn dư 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét thấy: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc ông bà thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên của ông bà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không T1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn**: Bà **Trương Thị B** - sinh năm 1989.
- **Bị đơn**: Ông **Trần Hữu T** - sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ 116, phường H, quận Liên Chiểu, T1 phố Đà Nẵng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T thuận tình ly hôn.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận có 01 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Giao ông Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hữu T1 - sinh ngày 19/6/2013 đến khi đủ 18 tuổi, bà Trương Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Trương Thị B và ông Trần Hữu T.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trương Thị B tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trương Thị B đã nộp theo Biên lai thu số 0004376 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, T1 phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trương Thị B số tiền tạm ứng án phí còn dư 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương